

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2020

V/v: *Tranh chấp về ly hôn, nuôi
con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông La Đức Cường

Ông Nông Văn Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2020 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/HNGĐST-QĐ ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Triệu Văn H – sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* Bị đơn: Chị Nông Thị Đô – sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng anh Triệu Văn H, nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Ngày 24/6/2014 tôi và chị Nông Thị Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn tại giấy kết hôn số 11/2014 được Ủy ban nhân dân xã cấp cùng ngày. Chúng tôi được gia đình hai bên tổ chức cưới xin theo phong tục địa phương, sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống ở thôn N, xã Đ,

huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chúng tôi cùng nhau chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã ngày càng thường xuyên do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hằng ngày và nhiều vấn đề khác dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và ngày càng trầm trọng dẫn đến việc chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay không còn ai quan tâm đến ai nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được tôi đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho tôi và chị Nông Thị Đ.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên là Triệu Trung H, sinh ngày 07/10/2015. Hiện nay con chung đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn chị Nông Thị Đ không có ý kiến về việc giải quyết vụ án trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Anh Triệu Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Triệu Văn H, anh H được ly hôn với chị Đ.

+ Về con chung: Anh Triệu Văn H và chị Nông Thị Đ có 01 con chung tên là Triệu Trung H, sinh ngày 07/10/2015. Từ khi anh Triệu Văn H và chị Đ sống ly thân đến nay con chung đang ở với anh H. Trong quá trình tố tụng chị Đ không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án, anh H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, đề nghị giao con chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết vấn đề tài sản

chung và nợ chung.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Ngày 11/5/2020 Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ; Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn chị Nông Thị Đ vắng mặt. Do hòa giải không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng;

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định hiện nay chị Đô vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, mặc dù không rõ thời điểm chị Đ trở về địa phương nhưng chị Đ vẫn thỉnh thoảng về thăm con chung, gia đình vẫn liên lạc qua điện thoại được với chị Đ. Tòa án đã tiến hành niêm yết tại địa phương các văn bản tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng, nhưng chị Nông Thị Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nông Thị Đ.

[3] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của anh Triệu Văn H; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai, khách quan tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của anh H tại phiên tòa và kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, có đủ căn cứ xác định: Anh Triệu Văn H và chị Nông Thị Đ có hôn nhân hợp pháp, anh chị đã đăng ký kết hôn tự nguyện theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 24/6/2014 tại giấy kết hôn số 11/2014. Trong quá trình chung sống anh H và chị Đ hay xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên. Nguyên nhân mâu thuẫn được xác định là do cả anh và chị không hợp nhau và quan niệm và cách sống. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay không còn ai quan tâm đến ai.

Trong quá trình tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, niêm yết các văn bản tố tụng về việc giải quyết vụ án, nhưng

chị Đ không có ý kiến thể hiện quan điểm của mình về vụ án ly hôn, nuôi con chung giữa chị và anh H. Điều đó cho thấy chị Đ không có thiện chí quay về đoàn tụ.

Điều 56. Luật hôn nhân gia đình quy định:

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị Đ đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc anh H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn là có căn cứ cần được xem xét, chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Anh Triệu Văn H và chị Nông Thị Đ có 01 con chung tên là Triệu Trung H, sinh ngày 07/10/2015. Từ khi anh H và chị Đ sống ly thân đến nay con chung đang ở với anh H. Trong quá trình tố tụng chị Đ không có ý kiến gì về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, anh H có nguyện vọng được trực tiếp thăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, giao con chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Triệu Văn H trình bày không có nợ chung, không có tài sản chung; chị Nông Thị Đ không có ý kiến về chia tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, anh Triệu Văn H phải chịu 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Triệu Văn H, anh Triệu Văn H được ly hôn với chị Nông Thị Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Trung H, sinh ngày 07/10/2015 cho anh Triệu Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu nên không xem xét.

Chị Nông Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Triệu Văn H phải chịu 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 06218 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, anh Triệu Văn H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 01
- VKS huyện CĐồn 02
- THADS huyện CĐồn 01
- UBND xã Đ
- (Nơi đăng ký kết hôn) 01
- Các đương sự 02
- Lưu hồ sơ 01
- Lưu vp 01

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hiến Công Hanh